

CÔNG TÁC DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG Ở TỈNH NINH THUẬN THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ

• **THS. BÙI ĐỨC TỬ**

*Trung tâm KTTH – Hướng nghiệp
Dạy nghề Phan Rang – Ninh Thuận*

Cử thị 33/2003/CT-BGD-ĐT, ngày 23/7/2003 về việc tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp và Chỉ thị số 22/2005/CT-BGD-ĐT, ngày 29/7/2005 về nhiệm vụ của toàn ngành trong năm học 2005-2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT đều nhấn mạnh: *Nâng cao chất lượng và mở rộng việc dạy nghề phổ thông (NPT) một cách vững chắc.* Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân, việc đầu tư cũng như sử dụng và khai thác nhân lực, vật lực, tài lực cho công tác dạy NPT còn ít hiệu quả.

Nằm ở cực nam Trung bộ và có nhiều nét văn hóa đặc thù, Ninh Thuận là một trong những tỉnh có điều kiện kinh tế khó khăn nhất nước, vì vậy, chất lượng dạy NPT còn ở mức thấp, nhưng chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu vấn đề này.

1. Kết quả nghiên cứu

1.1. Quan niệm về quản lý công tác dạy NPT

1.1.1. *Dạy nghề phổ thông* (Khái niệm dạy NPT ở đây được hiểu bao gồm cả hoạt động dạy NPT của giáo viên và hoạt động học NPT của HS phổ thông)

Dạy NPT là dạy cho học sinh (HS) phổ thông những nghề phổ biến, thông dụng, đang cần phát triển; kĩ thuật tương đối đơn giản, không đòi hỏi phải có trang thiết bị quá phức tạp; nguyên liệu dễ kiếm, phù hợp với điều kiện kinh tế, khả năng đầu tư của địa phương; thời gian ngắn (ít nhất 90 tiết/1 chương trình THCS, 180 tiết/1 chương trình THPT). Dạy NPT nhằm hướng tới mục đích sau:

- Về kiến thức, giúp cho HS hiểu được một số kiến thức cơ bản về công cụ, kĩ thuật, quy trình công nghệ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường đối với nghề đã học; đồng thời biết được đặc điểm và yêu cầu của nghề đó.

- Về kĩ năng, rèn luyện cho HS thành thạo một số kĩ năng sử dụng công cụ, thực hành kĩ thuật theo quy trình công nghệ, từ đó làm ra được một số sản phẩm đơn giản theo yêu cầu của nghề; phát triển được kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Về thái độ, phát triển được hứng thú kĩ thuật, tác phong công nghiệp; từ đó giúp HS thường trực ý thức thích ứng nghề, hình thành định hướng nghề nghiệp cho mình.

1.1.2. *Chất lượng dạy NPT*

Có thể đánh giá chất lượng dạy NPT theo 3 cấp độ từ thấp đến cao như sau: 1) Phản hồi của người dạy và người học NPT; 2) Kết quả thu được về kiến thức, kĩ năng và thái độ của người học NPT; và 3) Chọn được ban học khi bước vào THPT, hoặc chọn được nghề nghiệp phù hợp nhất khi tốt nghiệp THPT.

1.1.3. *Quản lý dạy NPT*

Để nâng cao chất lượng dạy NPT, ngoài những biện pháp quản lý các hoạt động nhằm cải thiện môi trường bên ngoài có tác động đến việc dạy NPT, người quản lý trung tâm phải tác động một cách đồng bộ vào cả quá trình dạy NPT với 5 thành tố: Mục đích dạy NPT, nội dung dạy NPT, phương pháp dạy NPT, phương tiện dạy NPT, giáo viên (GV) dạy NPT và HS học NPT, trong đó, chú trọng nhất tới phương pháp, phương tiện và HS.

1.2. Thực trạng quản lý dạy NPT ở tỉnh Ninh Thuận

Để tìm hiểu thực trạng công tác dạy NPT nói chung và quản lý công tác dạy NPT nói riêng, ngoài việc nghiên cứu số liệu thống kê tại Sở GD-ĐT, chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi đối với 30 cán bộ quản lý (CBQL) Sở GD-ĐT và các trung tâm kĩ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (KTTH-HN), các trường phổ thông, 198 giáo viên dạy NPT, giáo viên chủ nhiệm, và 142 phiếu đối với cha mẹ HS.

1.2.1. *Thực trạng về nhận thức của CBQL giáo dục, GV và cha mẹ HS về dạy NPT*

Trong khi chỉ 43,9% cha mẹ HS cho rằng học NPT để sau này chọn đúng nghề thì có tới 99% cho rằng học để được cộng điểm tốt nghiệp, thi tuyển sinh! Tỷ lệ này ở CBQL lần lượt là 63,3% - 50% và giáo viên là 33,7% - 48%. Chúng tôi nhận thấy nhiều người nhận thức sai lệch về mục đích của việc dạy NPT, hoặc yêu cầu quá cao về tay nghề, hoặc chỉ xem như một cách thức để được cộng điểm khi thi tốt nghiệp hoặc thi tuyển sinh.

Về hình thức học NPT, đa số CBQL và GV nhận thức sâu sắc thế mạnh của trung tâm KTTH-HN trong công tác dạy NPT. Riêng đối với cha mẹ HS, do chưa nhận thức một cách sâu sắc đặc thù của việc học NPT nên có tới 26,98%

đánh giá cao hình thức học NPT ngay tại trường phổ thông (do chỉ mới quan tâm đến yếu tố tiện lợi cho HS), thậm chí có tới 12, 72% cho rằng có thể tự học NPT ở nhà thông qua sách vở!

1.2.2. Thực trạng đội ngũ CBQL trung tâm KTTH-HN

Nhìn chung, đội ngũ CBQL các trung tâm KTTH-HN còn một số mặt hạn chế. Đó là, thiếu tinh thần vượt khó để nâng cao trình độ; sự năng động sáng tạo trong công tác tuyên truyền, quảng cáo, công tác phối hợp với các trường phổ thông và công tác chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy NPT chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng nêu trên là do đa số CBQL trung tâm chưa được bồi dưỡng chuyên sâu và chưa thật sự tâm huyết với công tác này.

1.2.3. Thực trạng về đội ngũ GV dạy NPT

Đội ngũ GV còn yếu về kĩ năng thực hành và năng lực quản lí, chưa được các cấp QLGD quan tâm tập huấn về đổi mới phương pháp dạy NPT, chưa có kế hoạch và tạo điều kiện để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, trình độ có sự chênh lệch đáng kể; bên cạnh một số GV có ý chí vươn lên về chuyên môn, nhất là kiến thức mới về tin học...thì vẫn còn khá nhiều GV tự thỏa mãn, thiếu ý chí vươn lên.

1.2.4. Thực trạng cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ dạy NPT

Tổng giá trị máy móc thiết bị tất cả các trung tâm KTTH-HN phục vụ dạy NPT trong tỉnh chỉ trên 1 tỉ đồng là quá ít. Trong khi đó, kế hoạch trang, thiết bị CSVC mà 3 trung tâm KTTH-HN gửi lên Sở GD-ĐT hàng năm đều kiến nghị bổ sung trên 2 tỉ đồng cho các máy móc, thiết bị với dây chuyên công nghệ hiện đại (như máy tiện điều khiển tự động, máy may công nghiệp loại 3 kim...)

1.2.5. Thực trạng quản lí dạy NPT

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng nhìn chung việc quản lí dạy NPT chưa được lãnh đạo các cấp quản lí quan tâm đúng mức. Các tiết dạy NPT chưa bảo đảm cả về thời lượng lẫn kỉ cương trật tự, nên chất lượng thu được không đồng đều. Công tác kiểm tra thường xuyên cũng như đột xuất của giám đốc trung tâm KTTH-HN chưa tốt. Trong quản lí, chưa chú trọng quản lí đổi mới phương pháp dạy học NPT và quản lí phương tiện dạy NPT.

1.2.6. Thực trạng chất lượng dạy NPT

Tuy tỉ lệ đậu tốt nghiệp NPT khá cao (bình quân hàng năm trên 94%), nhưng theo đánh giá một cách khách quan thì chất lượng dạy NPT còn nhiều yếu kém. Cụ thể : (1) tỉ lệ thu hút HS phổ thông vào học NPT thấp so với yêu cầu đề ra (THCS 3 năm qua dao động từ 33,65% đến 65,70%; THPT từ 75,52% đến 79,12%); (2) tỉ lệ HS bỏ học NPT giữa chừng cao (18,41% trong năm học 2005-2006); (3) việc dạy NPT hiện nay

chủ yếu dạy kĩ thuật, chưa quan tâm đến con đường hướng nghiệp, HS trung học cơ sở còn lúng túng trong việc chọn ban học ở lớp 10. (4) chưa kết hợp hài hòa giữa dạy chữ, dạy người và dạy nghề; nhiều GV, HS chưa hài lòng về phương tiện cũng như chất lượng dạy NPT...

Tóm lại, công tác dạy NPT hiện nay đang đứng trước nhiều mâu thuẫn. Đó là, mâu thuẫn giữa chủ trương tăng cường dạy NPT của Đảng và Nhà nước với nhận thức của xã hội, của các cấp quản lí giáo dục, của GV và HS về ý nghĩa thật sự của việc học NPT; mâu thuẫn giữa yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa với những trang, thiết bị bất cập đang sử dụng dạy NPT; giữa yêu cầu ngày càng cao để đáp ứng những tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến với năng lực còn hạn chế của GV dạy NPT; giữa đòi hỏi thực tế với lí luận về dạy NPT và quản lí dạy NPT.

2. Một số giải pháp quản lí nhằm nâng cao chất lượng công tác dạy NPT trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong bối cảnh mới

Để không ngừng nâng cao chất lượng dạy NPT trên địa bàn Ninh Thuận, cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp quản lí sau đây:

2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền

Tổ chức trang Web về giáo dục hướng nghiệp nói chung, dạy-học NPT nói riêng; tổ chức hội nghị chuyên đề hàng năm với đại diện lãnh đạo và Hội cha mẹ HS các trường phổ thông để kiểm điểm việc thực hiện Chỉ thị 33/BGD-ĐT/2003; lập kế hoạch phối hợp các phương tiện thông tin đại chúng làm các phóng sự, tham gia Hội chợ việc làm.....; phối hợp với các trường phổ thông và Hội Cha mẹ HS các trường để tuyên truyền về NPT.

2.2. Phát triển đội ngũ GV dạy NPT

Bao gồm các biện pháp: hoàn thiện công tác đào tạo, bồi dưỡng GV dạy NPT; xây dựng cơ chế tuyển dụng hợp đồng dài hạn, hợp đồng ngắn hạn; xây dựng cơ chế dân chủ trong quản lí nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo trong GV.

Ban hành quy chế dân chủ trong quản lí để mọi người hào hứng tham mưu hiến kế, luôn năng động sáng tạo...

2.3. Hoàn thiện hành lang pháp lí về trung tâm KTTH-HN

Bao gồm các biện pháp: xây dựng và hoàn thiện các văn bản của nội bộ trung tâm KTTH-HN; các cấp có thẩm quyền hoàn thiện các văn bản pháp quy về trung tâm KTTH-HN, chẳng hạn như đối với cấp trung ương rà soát, bổ sung các văn bản về sử dụng chương trình mục tiêu GD để phát triển trung tâm KTTH-HN, Quy chế về trung tâm KTTH-HN chuẩn quốc gia; đối với UBND tỉnh - văn bản về nâng cấp trung tâm KTTH-HN thành trường trung cấp kinh tế kĩ thuật, quyết định bổ sung .

2. 4. Quản lí lao động của GV và HS một cách khoa học

Bao gồm các biện pháp: phân công lao động trên cơ sở xác định trách nhiệm cá nhân đối với mỗi công việc; phân công lao động trên cơ sở định mức thích hợp cho từng công việc; tổ chức quy mô hợp lí lớp học NPT, chẳng hạn như ghép 2 lớp cùng nghề, cùng buổi học vào học cùng một nhóm lí thuyết, sau đó đến buổi thực hành tách riêng từng nhóm; chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy NPT: trên cơ sở thực hiện "Quy trình 7 bước" trong buổi dạy NPT, cần tăng cường việc phân nhóm thực hành; chú trọng thực hành, tham quan tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; tổ chức cho HS nghiệm thu chéo sản phẩm; tăng cường kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm khách quan; tổ chức tốt các hội thi GV dạy giỏi NPT, hội thi HS giỏi NPT và duy trì nề nếp dự giờ thăm lớp của cán bộ, GV; phát triển cơ sở vật chất - thiết bị đáp ứng yêu cầu về tổ chức lao động của GV, HS một cách khoa học.

2.5. Xã hội hóa công tác dạy NPT

Bao gồm các biện pháp: tăng cường các hoạt động nhằm tăng cường nhận thức của xã hội về chủ trương xã hội hóa công tác dạy NPT cho HS; phối hợp các cơ sở sản xuất kinh doanh cho HS tham quan, mời chuyên gia giỏi nghề tham gia dạy một số tiết dạy NPT; khai thác tối đa nguồn tài chính ngân sách nhà nước để đầu tư cho công tác dạy NPT; huy động sức mạnh vật chất - tài chính của cộng đồng dân cư phục vụ dạy NPT như tăng cường công tác quản lí để tránh thất thu học phí học NPT. Ngoài ra cần tăng cường vận động các tổ chức xã hội và các cá nhân có hảo tâm đóng góp xây dựng các phòng thực hành, máy móc thiết bị dạy NPT; tổ chức nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho cộng đồng.

Các giải pháp nêu trên có mối liên quan hữu cơ với nhau.

3. Khuyến nghị

Để những giải pháp quản lí trên đây triển khai được thuận lợi, có tính khả thi cao, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị đối với các cấp quản lí giáo dục như sau:

3.1. Đối với Bộ GD-ĐT

- Cần sớm ban hành quy định về "chuẩn quốc gia" đối với trung tâm KTTH-HN
- Phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ để điều chỉnh mức phụ cấp chức vụ cho cán bộ quản lí trung tâm KTTH-HN ngang với cán bộ quản lí trường THPT theo tinh thần Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm KTTH-HN.
- Điều chỉnh phân phối chương trình dạy NPT theo hướng: lồng ghép 12 tiết cuối chương trình NPT để chuyên gia tư vấn kết hợp với GV dạy NPT tiến hành tư vấn nghề cho HS.

3.2. Đối với Sở GD-ĐT tỉnh Ninh Thuận

- Cần tích cực, khẩn trương tham mưu với

UBND tỉnh về việc xúc tiến xây dựng và đi vào hoạt động các trung tâm KTTH-HN ở 3 huyện Ninh Hải, Bác Ái và Thuận Bắc.

- Cần tham mưu tích cực với UBND tỉnh về việc nâng cấp Trung tâm KTTH-HN Dạy nghề Phan Rang thành Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật (có chức năng dạy NPT) và giao thêm chức năng đào tạo nghề chuyên sâu cho các trung tâm KTTH-HN còn lại.

- Cần có thang điểm đánh giá thi đua cuối mỗi năm học đối với các đơn vị trực thuộc về tiêu chí quản lí công tác dạy NPT.

- Cần tiến hành nối mạng toàn ngành để công tác quản lí, công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ dạy NPT giữa Trung tâm KTTH-HN với các trường phổ thông.

3.3. Đối với Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh Ninh Thuận

Cần thành lập một câu lạc bộ những người có trình độ sau đại học liên ngành để kích thích và tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho họ có nhiều công trình nghiên cứu khoa học làm đầu tàu cho phong trào nghiên cứu khoa học trong tập thể GV và HS, sinh viên ở Ninh Thuận với phương châm: "Nhà trường là vầng trán của cộng đồng - Cộng đồng là trái tim của nhà trường".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo, *Một số khái niệm về quản lí giáo dục*, Trường Cán bộ Quản lí Giáo dục và Đào tạo TW, Hà Nội, 1997.
2. Phạm Tất Dong, *Đổi mới công tác hướng nghiệp phục vụ công cuộc CNH-HDH đất nước*, Nghiên cứu Giáo dục, tháng 6-1996, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Lê, *Báo cáo tổng hợp Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp - nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*, Bộ Khoa học - công nghệ, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, Đề tài KX - 05 - 09, Hà Nội, 2004.
4. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, *Thư ngỏ - Kỉ yếu Hội nghị khoa học: Đối thoại Pháp - Á về các vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam*. Khoa Sư phạm - Đại học QGHN và Viện nghiên cứu Quốc gia về lao động hướng nghiệp - Cộng hòa Pháp, Hà Nội, 2004.

SUMMARY

The article shows the resume of research result of the necessity and the idea of teaching the popular jobs; the real situation of teaching popular jobs, management of teaching popular jobs and suggesting some management solutions to better the quality of teaching popular jobs in Ninh Thuan province.